TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TG** **T ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG - T ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST- HN&GĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị K**, năm sinh 1985, có mặt.
Địa chỉ: Bản S, xã QC, huyện TG, T Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1982, vắng mặt.
Địa chỉ: Bản S, xã QC, huyện TG, T Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị K và anh T chung sống như vợ chồng, tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2006, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QC, huyện TG, T Điện Biên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 26/11/2008. Trong quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống, tính cách hai người không hợp nhau và anh Lò Văn T thường xuyên sử dụng rượu không chịu tu chí làm ăn chăm lo cho gia đình. Từ những mâu thuẫn trên cuộc sống vợ chồng luôn bất hòa, không có tiếng nói chung, chị K và anh T đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nay chị K xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân

không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

- Về con chung: Chị K và anh T có 03 người con chung, là Lò Văn Ng, sinh ngày 18/7/2006; Lò Văn T, sinh ngày 09/9/2008 và Lò Văn M, sinh ngày 06/7/2016. Sau ly hôn nguyện vọng của chị K là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con và không yêu cầu anh Lò Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Lò Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về bị đơn anh Lò Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp cho anh Lò Văn T Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập, Thông báo về phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án nhưng anh Lò Văn T từ chối không nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Chị K và anh T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định, đến thời điểm yêu cầu ly hôn vợ chồng có 03 người con chung. Quá trình chung sống chị K, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và anh Lò Văn T thường xuyên sử dụng rượu (BL 34, 36). Chị K và anh T đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lường Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị Lường Thị K, anh Lò Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Lường Thị K yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh Lò Văn T.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị K, giao con chung Lò Văn Ng, sinh ngày 18/7/2006; Lò Văn T, sinh ngày 09/9/2008 và Lò Văn M, sinh ngày 06/7/2016 cho chị Lường Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lò Văn T chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Lường Thị K, anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lường Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn T có địa chỉ tại bản S, xã QC, huyện TG, T Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG, T Điện Biên.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt nguyên đơn chị Lường Thị K, còn bị đơn anh Lò Văn T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09/9/2020 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã trực tiếp tống đạt cho anh Lò Văn T Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng anh Lò Văn T từ chối nhận. Tại phiên tòa ngày 24/9/2020 anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án cho anh T nhưng anh T từ chối nhận. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh T tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QC, huyện TG, T Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 26/11/2008 của UBND xã QC (BL 02) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị K và anh Lò Văn T là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên sử dụng rượu nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn và việc anh T thường xuyên sử dụng rượu được thể hiện qua biên bản xác minh của Tòa án (BL 30). Từ những mâu thuẫn trên dẫn đến chị K, anh T không thể tiếp tục cuộc sống chung và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Hội đồng xét xử nhận định về tình cảm vợ chồng, chị K và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng những nguyên tắc quyền và Ng vụ về nhân thân, tình Ng vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị K, anh T đã "trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Hiện nay chị K, anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử

cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị K anh T có 03 người con chung là Lò Văn Ng, sinh ngày 18/7/2006; Lò Văn T, sinh ngày 09/9/2008 và Lò Văn M, sinh ngày 06/7/2016. Khi ly hôn nguyện vọng của chị K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 người con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị K có nơi ở ổn định, thu nhập từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/ 01 tháng và hiện nay các con đều đang sống ổn định với chị K, do chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn anh T đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ không có chỗ ở ổn định, hơn nữa anh T thường xuyên sử dụng rượu. Cần căn cứ nguyện vọng của các con và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, để tránh làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của các con, giao cho chị Lường Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lò Văn Ng, sinh ngày 18/7/2006; Lò Văn T, sinh ngày 09/9/2008 và Lò Văn M, sinh ngày 06/7/2016 là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị K.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lường Thị K, anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lường Thị K là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố dụng dân sự và Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị K được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Văn Ng, sinh ngày 18/7/2006; Lò Văn T, sinh ngày 09/9/2008 và Lò Văn M, sinh ngày 06/7/2016 cho chị Lường Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lò Văn T chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lường Thị K có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn T có quyền, Ng vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị

Lường Thị K và anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị K.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2020). Anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã QC, huyện TG;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng A Tằng